

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2383/TTr-SNNPTNT ngày 17 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 04 thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành và 01 TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã) (Có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường đồng bộ dữ liệu TTHC mới công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định này kèm theo các nội dung đã được công khai tại Quyết định số 3085/QĐ-BNN-TT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>) theo quy định; Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế TTHC số 11 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2023 của UBND tỉnh về Công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (bao gồm thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã).

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn Phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ)
(Kèm theo Quyết định số 2468 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

1. Danh mục TTHC mới ban hành

TT	Tên TTHC (mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên. (1.012847)	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trong đó: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 15 ngày, UBND tỉnh 05 ngày.	+ Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. + Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 11 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.	- Cơ quan giải quyết: Sở Nông nghiệp và PTNT. - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.
2	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên. (1.012848)	- Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ. - Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được	+ Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. + Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng	Không	Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.	- Cơ quan giải quyết: Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan phối hợp: Sở Tài chính.

		thông báo của cơ quan tài chính.	Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)			
3	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện. (1.012849)	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	+ Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Hành chính công cấp huyện. + Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 11 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.	- Cơ quan giải quyết: Phòng Nông nghiệp/ Phòng Kinh tế. - Cơ quan/ người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND huyện.
4	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện. (1.012850)	- Văn bản thông báo xác định số tiền phải nộp gửi người được nhà nước giao đất, cho thuê đất: 12 ngày, kể từ ngày nhận được Bản kê khai hợp lệ. - Nộp tiền tại cơ quan kho bạc: 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan tài chính.	+ Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Hành chính công cấp huyện. + Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 13 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.	- Cơ quan giải quyết: Phòng Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan phối hợp: Phòng Tài chính .

2. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung

TT	Tên TTHC (mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện	Nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa. (1.008004)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	+ Nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. + Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế. (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	Điều 8 Nghị định số 112/2024/NĐ- CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết về đất trồng lúa.	Cơ quan giải quyết: Ủy ban nhân dân cấp xã.	- Sửa tên TTHC. - Sửa đổi căn cứ pháp lý.

** **Ghi chú:** Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn/>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thừa Thiên Huế./*